

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 104****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự độ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi ba, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, xem từ chỗ “giáng vương cung”.

“*Giáng vương cung, giáng sanh u vương cung, thị trung hàm nhiếp đệ nhị tướng chi thác thai, dữ đệ tam tướng chi xuất sanh. Bốn Sư Thích Tôn chi thác thai, như Nhân Quả Kinh vân: U thời, Ma Da phu nhân u miên ngu chi tế, kiến Bồ Tát thừa lục nha bạch tượng đằng không nhi lai. Tùng hữu hiệp nhập, thân hiện u ngoại, như xử lưu ly*” (“Giáng vương cung”: Giáng sanh trong vương cung. Trong ấy bao gồm tướng thứ hai là thác thai và tướng thứ ba là xuất sanh. Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thác thai như kinh Nhân Quả đã chép: “Lúc ấy, phu nhân Ma Da trong lúc ngủ, thấy Bồ Tát cỡi voi trắng sáu ngà từ trên hư không giáng xuống, theo hông phải vào trong thân mẹ, thân hiện bóng ra ngoài như đang ở trong lưu ly”). Đây là nói tới giáng sanh và thác thai, Bồ Xứ Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo thông thường đều có các thụy tướng (tướng tốt lành) này. Tiếp đó là nói về sự thác thai của Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, người bình phàm chúng ta nói “đầu thai”, tức là nói lục đạo phàm phu xả thân, thọ thân, lại tìm một thân thể khác. Thông thường, tìm một thân thể khác thì phải tìm cha mẹ. Cha mẹ và chính mình nhất định là hữu duyên; không có duyên, quý vị sẽ chẳng tìm được! Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy con cái và cha mẹ là duyên phận gì? Đức Phật chia duyên phận ấy thành bốn loại lớn, gồm:

1) Báo ân: Kiếp trước cha mẹ có ân với người ấy, đời này gặp gỡ, người ấy cảm ân, đến báo đáp. Đứa con như vậy bẩm tánh hiếu thuận cha mẹ, do đến báo ân, nên rất nghe lời, cũng rất đáng yêu. Đó là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai là báo oán. Cha mẹ và kẻ ấy có cừ oán. Có oán thì có thể là do trong đời quá khứ đã giết hại kẻ ấy. Gặp gỡ lần này, kẻ ấy đến báo oán hoặc báo cừ. Đứa con ấy sẽ chẳng nghe lời, chẳng hiếu thuận với cha mẹ.

3) Loại thứ ba là đòi nợ. Đứa con ấy cũng rất khả ái. Nếu mắc nợ thì hai, ba tuổi, nó đã ra đi. Quý vị đã tốn kém nhiều ngàn đó, nó đòi nợ xong bèn ra đi. Nếu thiếu nợ nhiều, có thể phải tốn tiền cho nó học hành, học đến Trung Học, hoặc học tới Đại Học, vừa giật được mảnh bằng nó liền ra đi. Nó đến đòi nợ, quý vị thiếu nó nhiều nên phải trả nợ nhiều.

4) Một loại khác nữa là trả nợ. Trả nợ thì đối với cha mẹ chẳng có ân tình gì, nhưng đối với cha mẹ chẳng tệ. Trong quá khứ, kẻ ấy đã nợ cha mẹ rất nhiều. Đời này, hẳn chăm sóc cha mẹ về phương diện vật chất rất chu đáo. Nếu mắc nợ ít, đứa con ấy đối xử với cha mẹ khắc bạc. Cuộc sống của chính mình rất khá, nhưng lo cha mẹ có cái ăn cái mặc là đủ rồi, chẳng có hiếu kính chút nào!

Chúng ta hãy lắng lòng quan sát bốn loại tình hình ấy, đều là trong hiện tiền, chúng ta thường luôn có thể thấy bốn loại trạng huống ấy, mới biết những gì đức Phật giảng trong kinh chẳng sai tí nào!

Kẻ chẳng học Phật theo nghiệp thọ báo, khi chịu quả báo nói chung là có oán kết, chuyện này rất phiền phức, lại kết oán mới, oan oan tương báo chẳng ngớt. Vì thế, đây chẳng phải là cách thức [tốt đẹp hòng giải quyết vấn đề]. Chúng ta do duyên phận đến thế gian này, sau khi gặp Phật pháp, đã giác ngộ, phải làm như thế nào để chuyển biến những quan hệ như thế, chuyển ân oán trong đời quá khứ, chuyển quan hệ nợ nần thành pháp quyền, đó là tốt đẹp. Báo ân quá khứ cũng thế, mà báo oán cũng thế, đòi nợ, trả nợ cũng thế, một nét bút xóa sạch, từ nay trở đi, chúng ta đều là đồng tham bạn lữ, vẫn phải vô cùng hiếu thuận, vì sao? Làm cho chúng sanh thấy, tự hành, hóa độ người khác. Chính mình có thể làm như vậy, tuân theo giáo huấn của Phật Đà, làm theo giáo huấn của thánh nhân, nhằm tăng tấn đức hạnh của chính mình, đôi bên đều tăng tấn, chính mình tăng tấn, mà cha mẹ cũng tăng tấn, song phương đều tăng tấn. Đồng thời, thân thích, bằng hữu, hàng xóm của quý vị thấy quý vị một nhà hòa thuận, hiếu thảo, từ bi, họ cũng học theo. Do vậy, sau khi tự hành bèn có thể hóa độ người khác, công đức ấy càng ngày càng thù thắng. Có thể thấy sự giáo dục của thánh hiền lợi ích chúng ta quá lớn, có quá nhiều ưu điểm.

Còn như Phật, Bồ Tát cũng đến thế gian này, có lúc các Ngài nghĩ muốn trụ trong thế gian này lâu hơn một chút. Đó chẳng phải là các Ngài mong muốn. Tôi nói “các Ngài nghĩ muốn” tức là đã nói không chính xác, [phải nói] là chúng sanh hữu duyên. Duyên của chúng sanh và duyên của Bồ Tát rất sâu, nên có thể cảm ứng Bồ Tát trụ trong thế gian này một thời gian, nên Ngài nhất định phải đến đầu thai. Kinh vẫn gọi sự đầu thai này là “*thác thai*”, chẳng gọi là “đầu thai”, Ngài đến thác thai (nuơng gởi trong thai). Cũng tìm cha mẹ, cha mẹ ấy chẳng phải là báo ân hay báo oán, mà nhất định là một cặp vợ chồng trong đời quá khứ đã tu thiện tích đức, Phật, Bồ Tát đến thế gian mới tìm họ. Các Ngài tìm người chẳng có quan hệ ân oán, cả nhà người ấy tổ tiên tích đức, vợ chồng tu đức, tìm người như vậy để thác thai. Trong sự thác thai ấy bao gồm cả tướng thứ ba tức là “xuất sanh”, chúng ta đọc Đại Thừa Khởi Tín Luận thấy nói nhập thai, trụ thai và xuất thai, những điều ấy đều được bao gồm trong “thác thai”. Trụ thai cũng là trụ mười tháng, khi mẹ có thai bèn mang thai mười tháng. Đấng Giác Bồ Tát chẳng phải là người bình phàm, Ngài ở trong thai bào mười tháng như thế có thể độ chúng sanh hay không? Người bình phàm ở trong thai bào mười tháng, kinh Phật nói là cũng chẳng khác ở trong địa ngục cho mấy, nên gọi là “*thai ngục*”. Mười tháng ấy là thai ngục, ở trong ấy chẳng được tự tại, ở trong đó cũng rất đau khổ. Mẹ uống một chén trà nóng, con giống như ở trong bát nhiệt địa ngục, mẹ uống một chén nước đá, con giống như ở trong bát hàn địa ngục, rất đau khổ! Kẻ ấy (kẻ đến đầu thai) chịu đựng nghiệp báo, mang thân nghiệp báo, do nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, nên phải chịu quả báo ấy. Nhưng Phật, Bồ Tát khác hẳn, có vị Phật đến thác thai, trong phần trước chúng ta đã thấy “vị hậu Phổ Hiền” đó là vị đã thành Phật, lại “thả chiếc bè Từ” đến hóa độ chúng sanh. Do vậy, Phật, Bồ Tát ở trong thai mẹ đã thuyết pháp độ chúng sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Khoa học hiện thời cho chúng ta biết, trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư bảo chúng ta, một vi trần, một hạt vi trần, người hiện thời gọi một hạt vi trần là một hạt cơ bản, các nhà khoa học Lượng Tử cho biết hạt cơ bản còn có thể chia nhỏ, vẫn chưa phải là

nhỏ nhất, lại tách ra thành Quang Tử, còn gọi là Lượng Tử. Hiện thời, ta biết Lượng Tử là nhỏ nhất. Đức Phật nói trong một vi trần có vi trần số thế giới, trong các thế giới ấy lại có nhiều chúng sanh. Do vậy, trong khi mẹ mang thai, đức Phật cũng giảng kinh, thuyết pháp trong thai mẹ. Cảnh giới ấy to dường nào? Chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài, trong Phật pháp nói là “không có lớn, nhỏ”, Tánh Đức trong tự tánh vốn là như thế. Chúng ta mê mất tự tánh nên mới có hiện tượng lớn - nhỏ như vậy, [các hiện tượng ấy] do huyền tượng sanh ra, người minh tâm kiến tánh chẳng có. Trong phần trước, chúng ta đã học “trong vi trần có thế giới”, các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã chứng thực chuyện này là thật, chẳng giả.

Khi nhập thai, phu nhân Ma Da (Māyā) là mẹ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong khi bà đang ngủ, “*miên ngu*” (眠寤) là lúc ngủ nghê. Tuy ngủ nhưng rất tỉnh táo, chẳng mê hoặc, hiểu rất rõ. Bà thấy Bồ Tát, vị Bồ Tát ấy là Bồ Xứ Bồ Tát, từ trời Đâu Suất giáng hạ, cưỡi voi trắng sáu ngà, Ngài cưỡi con voi ấy, từ không trung hiện đến gặp phu nhân Ma Da, theo hông phải của phu nhân Ma Da vào trong thai. “*Thân hiện u ngoai*” (thân hiện ra ngoài), phu nhân Ma Da có thể trông thấy, nhưng người khác chẳng thấy. Phu nhân Ma Da có duyên với Ngài, nên trông thấy rõ ràng Bồ Tát theo hông phải vào thai. Trông thấy tình hình như vậy rõ ràng “*như xử Lưu Ly*” (như ở trong lưu ly), toàn thân phu nhân giống như lưu ly, trong suốt, thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng hạ, vào trong thân thể bà ta. Kinh Nhân Quả đã thuật một câu chuyện như thế. Còn về xuất thai thì kinh Niết Bàn có nói: “*Tùng mẫu Ma Da nhi sanh. Sanh dĩ*” (từ mẹ là Ma Da sanh ra. Đã sanh ra), sau khi được sanh ra, “*tức châu hành thất bộ*” (liền đi trọn bảy bước), Ngài đi bảy bước. Đứa trẻ ấy vừa sanh ra liền có thể đi lại. “*Châu hành giả*” (đi trọn khắp là), tiếp đó, sách giải thích, “*nãi chỉ tứ duy*” (là chỉ bốn phương bàng), nói thật ra, trước đó phải thêm vào bốn phương, tức là bốn phương chánh và bốn phương bàng, “*thượng hạ chi thập phương*” ([cùng với] phương trên và dưới là mười phương). Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*U thập phương các hành thất bộ*” (trong mười phương, mỗi phương đều đi bảy bước), “*châu hành thất bộ*” là mỗi phương đều đi bảy bước, nên gọi là “*châu*” (周: trọn khắp). “*Thị hiện trượng phu phấn tấn chi lực*” (thị hiện sức trượng phu dũng mãnh), “*trượng phu*” ở đây là đại trượng phu, đã thành Phật, là từ ngữ chúng ta dùng để kính xưng đức Phật. “*U thập phương độc xuất vô úy*” (trong mười phương riêng hiển lộ sự vô úy), hiển lộ các hiện tượng trí huệ, từ bi, thân thông, đạo lực, chẳng sợ hãi. Vì thế, đi bảy bước khắp mười phương. “*Hựu Ngụy dịch viết: Tùng hữu hiếp sanh*” (Lại nữa, bản Ngụy dịch chép: “Sanh từ hông phải”). Sách Thích Ca Phổ cũng ghi chép như vậy. “*Bồ Tát tiệm tiệm tùng hữu hiếp xuất*” (Bồ Tát dần dần sanh ra từ hông phải [của mẹ]). Kinh điển ghi chép trạng huống xuất sanh của đức Thế Tôn khác với người bình thường, đó gọi là “*thị hiện*”.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Khi vị xuất gia, khổ hạnh học đạo*” (vứt bỏ ngôi vua, khổ hạnh học đạo). Đây là “*biểu xuất gia chi đệ tứ tướng*” (biểu thị tướng thứ tư là xuất gia), xuất gia là tướng thứ tư trong tám tướng. “*Ngụy dịch thậm tường*” (bản dịch đời Ngụy chép rất tường tận). Trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đoạn này đã được dịch rất tỉ mỉ, kinh văn chép: “*Hiện xử cung trung sắc vị chi gian*” (hiện sống trong cung, trong khoảng sắc vị). Ngài thị hiện sanh trong nhà đế vương, phụ thân là quốc vương. Quốc vương thuở ấy chẳng lớn, giống như thời đại Xuân Thu Chiến Quốc vào triều đại nhà

Châu đã được ghi chép trong lịch sử Trung Quốc. [Các triều đại] Hạ, Thương, Châu đều là các sắc dân thuộc về các bộ lạc, nước lớn vẫn chưa to bằng một huyện hiện thời. Quý vị thấy sách cổ Trung Quốc nói hầu quốc (nước chư hầu) rộng một trăm dặm, đó là nước lớn. Hầu (侯) là vua một nước [chư hầu], hầu quốc rộng một trăm dặm, [vua nước ấy được thiên tử nhà Châu phong] tước Hầu¹. Cương vực quốc gia của ông ta chỉ có một trăm dặm, chẳng to bằng một trăm dặm hiện thời. Hiện thời nói tới cây số thì tại Trung Quốc, một cây số lớn bằng hai dặm của Trung Quốc [thời cổ]. Vì thế, lãnh thổ [của mỗi nước chư hầu] cũng chẳng phải là rất lớn. Theo lịch sử ghi chép, vào đời Châu, trên lãnh thổ Trung Quốc có bao nhiêu quốc gia? Hơn tám trăm chư hầu, tức là hơn tám trăm quốc gia. [Nói về] vua nhà Châu thì Châu cũng là một nước, chẳng lớn! Nước Châu kể ra chẳng lớn, chỉ rộng bảy mươi dặm. Quý vị thấy chỉ có bảy mươi dặm, Châu áp bảy mươi dặm, nhưng vua Châu đức hạnh tốt đẹp, có đạo đức, các vua nước khác bội phục ông ta, hề có vấn đề gì đều thỉnh giáo ông ta. Vô hình trung, ông ta trở thành người được kính ngưỡng nhất trong các nước, nên mọi người gọi ông ta là Thiên Tử (天子). Thiên Tử thuở đó, quốc gia hoàn toàn chưa thống nhất, [cả nước Trung Hoa] đều là những tiểu chư hầu. Chư hầu nghe theo giáo huấn của Thiên Tử, nhưng mỗi nước chư hầu đều độc lập, chỉ là những nước chư hầu tôn sùng thiên tử, tấn công nhà vua. “*Tấn cống*” (進貢) là tặng lễ vật, mỗi dịp Tết phải biếu Thiên Tử một chút lễ vật, Thiên Tử cũng duy trì an toàn cho toàn thể xã hội. Toàn thể xã hội được gọi là “*thiên hạ*” (天下), “*thiên hạ*” thuở ấy nay được gọi là quốc gia Trung Quốc. Do vậy, người Trung Quốc từ xưa tâm lượng cũng rất to, sách cổ rất ít khi nói đến quốc gia, mà đều nói là “*thiên hạ*”. Tâm lượng lớn nên có thể dung nạp, xã hội ấy mới có thể an định, hòa bình.

Do vậy, Bồ Tát thị hiện giảng sanh trong cung đình, hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian từ bé. “*Kiến lão, bệnh, tử, ngộ thế phi thường*” (thấy già, bệnh, chết, ngộ cõi đời chẳng thường hằng). Ngài ra ngoài du ngoạn, trên đường thấy người già, thấy người bị bệnh, thấy người tử vong, cảm khái rất sâu, cảm thấy thế gian này vô thường, ngộ cõi đời hết sức vô thường. Con người không thể vĩnh viễn sống trong thế gian, chẳng thể vĩnh viễn không già, bất tử, bọn phàm phu chúng ta thường thấy hiện tượng này, có sao chẳng giác ngộ? Ngài đã giác ngộ. Đã giác ngộ rồi, Ngài cũng giúp cho chúng ta giác ngộ, điều ấy khiến cho chúng ta nghiêm túc suy nghĩ, chúng ta đến thế gian này để làm gì? Vì sao đến thế gian? Đã có người từng hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vấn đề này, tôi nghĩ chẳng phải chỉ một người, mà chắc chắn là có rất nhiều người hỏi. Đức Phật trả lời bằng một câu: “*Nhân sanh thù nghiệp*” (đời người đền trả nghiệp). Quý vị đến thế gian này để làm gì? Để đền trả nghiệp nhân quý vị đã tạo trong quá khứ. Trong đời quá khứ tạo thiện nhân, quý vị đến thế gian này để hưởng phước, quả báo thì thiện có thiện quả. Nếu trong đời quá khứ đã gây nhân ác, quý vị chịu khổ, [trót tạo cái nhân] bất thiện nhất định mắc khổ báo. Đức Phật đã

¹ Đây là nói tổng quát, vì nhà Châu đặt ra năm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Tùy theo mỗi tước mà quy định lãnh thổ rộng bao nhiêu, được dùng bao nhiêu cỗ xe v.v... Chẳng hạn vua nước Ngô (đất phong của Thái Bá và Trọng Ung) chỉ là tước Bá, nước Sái (phong cho Thúc Độ, em trai thứ năm của Châu Vũ Vương) tước Hầu, nước Ung (phong cho người con thứ mười ba của Châu Văn Vương, không rõ họ) với tước Tử, nước Tống (phong cho Vi Tử Khải, hậu duệ nhà Thương) tước Công...

giảng rõ ràng, minh bạch chuyện này, chúng ta mới thật sự hiểu những gặp gỡ trong suốt một đời, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, thiện duyên thì quý vị suốt đời gặp gỡ người tốt, ác duyên thì suốt đời gặp gỡ người xấu, toàn bộ đã được định sẵn trong mạng. Đúng như cổ nhân đã nói: “*Nhất sanh toàn thị mạng, bán điểm bất do nhân*” (suốt đời toàn là mạng, chẳng do người nữa phần). Quý vị chẳng thể tự mình làm chủ, tất cả hết thảy những sự gặp gỡ trong cuộc đời đều do nghiệp nhân trong đời quá khứ [tạo thành] quả báo trong hiện tiền. Thông đạt, hiểu rõ rồi, chúng ta sẽ an tâm.

Vì thế, cổ nhân nói “*tâm an lý đắc*”, vì sao tâm an? Do đã hiểu rõ đạo lý, chẳng còn dấy lên vọng tưởng nữa. Lý đã hiểu rõ, tâm bèn an, tâm đã an bèn hiểu rõ đạo lý, chúng là nhân và quả lẫn nhau. Sau khi hiểu rõ, chúng ta biết phải nên làm người tốt, phải tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng là trong nghịch cảnh, trong lúc khổ nạn, phải nên chịu đựng, chẳng oán trời, không trách người, chính mình đã tạo thì chính mình phải gánh chịu, bình an vượt qua, nghiệp tiêu tan. Suốt một đời này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng còn tạo tội nghiệp nữa, nghiêm túc nỗ lực đoạn ác, tu thiện. Căn bản của thiện hạnh là hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Trước kia có sư trưởng, hiện tại chẳng còn nữa. Trước kia, quan hệ thầy trò vô cùng mật thiết, “*nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*” (một ngày là thầy, suốt đời là cha), có mối quan hệ tốt đẹp như vậy, cho nên thầy trò như cha con, quan hệ giữa thầy và trò chẳng kém [quan hệ] cha con. Hiện thời chẳng còn nữa, thầy bây giờ đã biến thành con buôn, mua bán kiến thức, mỗi giờ lên lớp phải trả bao nhiêu tiền học phí, đó là mua bán mất rồi!

Chư vị phải biết: Cổ nhân làm thầy chẳng nói đến học phí, nói đến học phí rất ngượng ngập, thốt không nên lời. Học tập thì sao? Khi học tập thì tùy ý phụ huynh của học sinh dâng biếu. Lại còn chẳng phải là biếu xén hàng tháng, chẳng có số lượng nhất định. Gặp dịp lễ tết, đại khái là Tết Nguyên Đán, Đoan Ngọ, Trung Thu, mỗi năm ba dịp lễ tết bèn biếu xén lễ vật. Tùy theo hoàn cảnh gia đình của chính mình, gia đình giàu có bèn biếu nhiều một chút. Gia đình nghèo hèn bèn biếu ít một chút. Quý vị thấy Khổng Tử dạy học, nhận lễ vật ít nhất, [lễ vật trò biếu thầy] gọi là Thúc Tu. Thúc Tu (束脩) là gì? Nay chúng ta gọi là “*lạp nhục*” (臘肉: thịt muối). Thịt đem muối, tức Lạp nhục, bao nhiêu? Cắt lấy một lát nhỏ, đại khái bốn lạng hoặc nửa cân là cùng. Mỗi năm đem biếu thầy chút quà ấy, thầy rất vui vẻ. Thầy chẳng đòi hỏi thứ gì từ quý vị, thầy coi trọng lễ tiết, quý vị chẳng thất lễ. Do vậy, quan hệ thầy trò giống như cha con. Hiện thời là mua bán, trước đây là nói tới giáo học, hiện thời học hành cũng là buôn bán, [giáo viên] cũng là một loại con buôn, sự học đã biến thành thương mại rồi, [nên gọi là] “*học thương*” (kinh doanh sự học), do vậy thì sao? Sư đạo chẳng còn. Sư đạo chẳng còn thì hiểu đạo chẳng còn nữa. Vì sao? Thầy khuyên [trò] hiếu thảo. Cha mẹ dạy con cái nói chung chẳng tiện nói: “Ngươi là con của ta, phải hiếu thuận với ta”, chẳng thể thốt nên lời ấy được. Do vậy, ai dạy hiếu thảo? Thầy có trách nhiệm. Thầy dạy học trò “hiếu thuận cha mẹ”, cha mẹ dạy con cái phải “tôn sư trọng đạo”. Hai bên đều dạy. Hễ thiếu một bên thì bên kia chẳng còn nữa. Vì thế, hiện thời sư đạo chẳng còn thì hiểu đạo đương nhiên cũng chẳng có! Trẻ nhỏ hiện thời chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng biết tôn sư trọng đạo là có nguyên nhân, chẳng phải là vô lý. Đã vứt bỏ giáo dục mà!

Trong quá khứ, đối với trò, thầy e sợ quý vị học không ra gì, nên tận tâm tận lực dạy quý vị. Hiện nay, tôi nghe nói trong rất nhiều trường học, khi lên lớp, thầy dạy rất cầu thả, thầy dạy học trò [qua loa lấy lệ], mở lớp dạy thêm, ép học trò ở trường mình phải theo học lớp dạy thêm của ông ta. Lớp dạy thêm thu học phí, thầy bỏ túi toàn bộ học phí, nên trong lớp ấy thầy sốt sắng dạy những thứ đã giữ lại chẳng dạy trong buổi học chính thức, thầy giấu nghề hòng kiếm tiền! Trong lớp học chính thức, đại khái là trong nhà trường chẳng thu nhập được mấy, mở lớp dạy thêm thu nhập cũng rất dồi dào. Vì thế, hiện thời [hầu như giáo viên nào cũng đều] có ý nghĩ kinh doanh. Thầy giáo cũng học đòi mở tiệm bán chữ, lớp dạy thêm chính là mở tiệm bán chữ! Đó là xã hội hiện tiền, mê mà chẳng giác, còn cổ nhân thật sự là giác chứ không mê. Một đời này, tôi may mắn còn gặp được mấy vị thầy tuân theo nếp nghĩ xa xưa, vì sao? Thuở ấy, tôi rất nghèo khổ, không đóng nổi học phí, một đồng biếu tặng thầy cũng chẳng có, nhưng ba vị thầy đều rất vui lòng dạy dỗ, đặc biệt dành thời gian để dạy tôi, do nguyên nhân nào? Khi ấy, tôi cũng nghĩ chẳng ra. Mấy chục năm sau mới hiểu rõ, tôi từ nhỏ đã biết tôn sư trọng đạo đôi chút nhờ cha mẹ dạy. Vì vậy, cung kính thầy, học tập rất nghiêm túc. Thầy gặp được một học trò như thế, không lấy học phí, chẳng cần học phí, thầy vẫn nghiêm túc dạy dỗ tôi. Nếu là những thầy giáo như trong nhà trường hiện thời thì chẳng đóng học phí sẽ chẳng dạy! Sáu mươi năm trước và sáu mươi năm sau khác nhau, những vị thầy như sáu mươi năm trước chẳng nhiều, rất hiếm gặp!

Hiện thời có thể nói là những vị thầy như vậy chẳng còn nữa, rất khó tìm được! Không dễ gì tìm được thì làm như thế nào? Chúng ta muốn học thì có cách, làm tư thực đệ tử của cổ nhân, học theo Mạnh Tử. Mạnh Tử hiếu học, mẹ dạy con rất khá, “*Mạnh mẫu tam thiên*” (Bà mẹ Mạnh Tử ba lần dời nhà)², mẹ dạy dỗ chu đáo, Ngài hiếu học, học theo Khổng Tử. Thuở Ngài sanh ra, Khổng Tử đã qua đời từ lâu, Ngài rất ngưỡng mộ Khổng Tử. Trước tác của Khổng Tử còn đó, Ngài tìm các trước tác của Khổng Tử, y giáo tu hành, hề gặp khó khăn bèn thỉnh giáo học trò của Khổng Tử, học hết sức nghiêm túc. Những giáo huấn của Khổng Tử Ngài đều có thể làm được, đều có thể thực hiện. Vì thế, thành tựu của Ngài vượt trội tất cả học trò của Khổng Tử trong thuở ấy. Quý vị thấy người đời sau tôn xưng Khổng Tử là Chí Thánh, tôn Mạnh Tử là Á Thánh, trừ Khổng Tử ra là Mạnh Tử! Vì thế, hiện thời, hề nói tới Nho luôn nói là Khổng Mạnh, chẳng nói tới ai khác. Có thể thấy thầy chẳng còn trên đời, hãy học tập theo trước tác của thầy, cũng có thể học thành giống hệt như thầy, đạt tới trình độ của thầy, trở thành thánh nhân. Mạnh Tử đã mở ra lệ này, khiến cho người hiếu học đời sau ai nấy đều có thể thành tựu, không nhất định phải ở trước mặt thầy. Trong Phật môn cũng có tấm gương ấy, cuối đời Minh, đầu đời Thanh, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín trong Tịnh Độ Tông chúng ta, hết sức ngưỡng mộ Liên Trì đại

2 Câu chuyện này xuất phát từ bộ Liệt Nữ Truyện, với nhan đề Mẫu Nghi Trâu Mạnh Kha Truyện (truyện về người mẹ gương mẫu của Mạnh Kha ở đất Trâu). Theo đó, lần đầu tiên, nhà Mạnh Tử ở gần nghĩa địa. Mạnh Tử chơi quanh quẩn trong nghĩa địa, đập mộ già, bày trò cúng tế, khóc lóc. Bà mẹ thấy vậy bèn dọn nhà đến phố thị. Con lại bắt chước lái buôn giả buôn bán, nói thách, bà mẹ lại dọn nhà đến gần trường học, con bèn chăm chỉ học hành. Có thuyết khác nói lần thứ hai dọn nhà đến gần người mổ lợn, Mạnh Tử suốt ngày bắt chước làm bộ mổ lợn, chọc tiết. Sách Liệt Nữ Truyện tổng kết câu chuyện này bằng câu: “*Mạnh Kha chi mẫu, vị giáo kỳ tử, tam thiên kỳ cư, tốt sử Mạnh Kha thành đại nho chi danh*” (Mẹ ông Mạnh Kha, vì dạy con, ba lượt thay đổi chỗ ở, rốt cuộc khiến cho Mạnh Kha trở thành bậc đại nho danh tiếng). Tuy ghi nói là ba lượt dọn nhà, thật ra, chỉ dọn nhà hai lần.

sư, Liên Trì đại sư là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông. Tổ Ngẫu Ích học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư cũng đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn, hiện thời vẫn còn, tức là Liên Trì Đại Sư Toàn Tập. Hiện thời Liên Trì Đại Sư Toàn Tập gồm bốn cuốn sách đóng bìa cứng dày như vậy. Ngài noi theo bộ sách ấy để học tập, học rất giống như Liên Trì đại sư, nên trở thành tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông, đã thành công. Đây là pháp thế gian và xuất thế gian [đều đã có những tấm gương], nay chúng ta phải học theo, Muốn tìm thầy, nhưng chẳng tìm được một vị thầy đang còn sống thì tìm một vị thầy trong quá khứ. Thầy đã vãng sanh rất nhiều, quý vị tìm một vị, khéo học theo Ngài, nhất định sẽ thành tựu.

Đời này tôi cũng rất khó có, được gặp gỡ lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi thờ Ngài làm thầy. Tôi theo thầy mười năm, thầy rất khiêm hư, rất khách sáo, bảo tôi: “Tôi chỉ có khả năng dạy anh năm năm. Sau năm năm, tôi sẽ giới thiệu một vị thầy khác cho anh”. Tôi hỏi: “Vị nào ạ?” “Án Quang đại sư”. Án Quang đại sư là thầy của cụ, cụ học Tịnh Tông với Án Quang đại sư, cụ giới thiệu Án Quang đại sư cho tôi. Do đại sư chẳng còn nữa, thầy Lý đã từng thân cận Án Quang đại sư, hiện thời chúng ta chẳng có duyên phận ấy, nhưng Án Quang Đại Sư Văn Sao vẫn còn, quý vị thường đọc Văn Sao, thấu hiểu ý chỉ của đại sư, y giáo phụng hành, sẽ là học trò thật sự của Án Quang đại sư. Không nhất định phải gặp mặt, không nhất định phải ở trước mặt Ngài, quý vị vẫn có thể học thành công. Vì đại sư là người cận đại, cách chúng ta không xa, chúng ta xem văn tự của Ngài bèn hiểu. Tuy là văn chương Văn Ngôn, nhưng là văn chương Văn Ngôn rất đơn giản, dễ hiểu. Đó là noi gương cổ nhân, tôn cổ đại đức làm thầy thì chúng ta mới có thể thành tựu. Thật sự chịu học, dù mài chẳng bỏ, mười năm vun bồi căn cội, hai mươi năm bèn xuất đầu lộ diện, chúng ta thường nói là “thành danh”. Thật đấy, chẳng giả đâu! Chính bản thân tôi trong một đời này là một thí dụ rất tốt, tôi tiếp xúc Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi, ba mươi ba tuổi xuất gia, hai mươi năm, [tức là] học Phật hai mươi năm, lúc ngoài bốn mươi tuổi bèn có thành tựu. Ba mươi ba tuổi xuất gia, lúc năm mươi ba tuổi chính mình mới có một đạo tràng nhỏ. To cỡ nào? Đại khái chẳng lớn hơn cái studio này bao nhiêu, có một tiểu giảng đường như thế. Suốt đời, mỗi ngày bận bịu, đại khái cũng có lúc đọc kinh bốn giờ, mỗi ngày giảng kinh chẳng ít hơn hai tiếng đồng hồ. Khi giảng được nhiều nhất thì mỗi ngày giảng chín tiếng, buổi sáng ba tiếng, buổi chiều ba tiếng, buổi tối còn giảng thêm ba tiếng nữa. Đã từng giảng tại Đài Loan, giảng tại Los Angeles của Mỹ, thuở trẻ yêu thích giảng kinh, chẳng biết mệt. Vì thế, con người chẳng thể không giác ngộ, nhất định phải nghĩ ta đến thế gian này để làm gì. Học Phật bèn hiểu rõ, ta tới thế gian này để học Phật, tới thế gian này để hoằng pháp. Không phải là học Phật, chẳng phải là hoằng pháp thì đến đây để làm gì? Thế gian này, đời loạn cũng vậy, đời thịnh trị cũng vậy, đều chẳng thể quấy nhiễu chúng ta học tập, mà cũng chẳng thể quấy nhiễu chúng ta giáo học, đó là tốt đẹp!

Ở đây, đức Thế Tôn nêu gương cho chúng ta. Thứ nhất, Ngài đã giác ngộ; nêu chẳng giác ngộ, Ngài chẳng thể làm được những điều [kinh văn đã nêu trong các đoạn] kế tiếp. Đầu tiên là giác ngộ thế gian này vô thường, thế gian này chẳng thật. Vì thế, Ngài mới “*khí quốc tài vị*” (bỏ ngôi vua, của cải, địa vị), “*quốc*” là quốc vương. Ngài chẳng làm quốc vương, mà cũng chẳng hưởng sự phú quý trong nhân gian. “*Tài*” ở đây là sự phú quý trong nhân gian, Ngài bỏ được, “*nhập sơn học đạo*” (vào núi học đạo), lúc ấy, Ngài mười chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật mười chín tuổi vào núi. Có nhiều vị đạo đức, có tu hành, có trí

huệ sống trên núi. Thuở ấy, tại Ấn Độ, không chỉ các vị đại đức tôn giáo đều ở trên núi, mà nhiều [học giả trong các] học phái như Du Già, Số Luận đều ở trên núi. Những người ấy tu Thiền Định, họ thật sự chứng đắc Tứ Thiền Bát Định. Vì thế, Ngài vào núi để bái phỏng những vị đại đức, trưởng giả ấy, học tập họ. Chúng ta có thể tưởng tượng chàng trẻ tuổi ấy, mười chín tuổi, xuất thân là vương tử, thân phận khác hẳn, thông minh, hiểu học, chúng ta có thể nghĩ là mỗi vị trưởng giả, đại đức thấy học trò như vậy, lẽ nào chẳng vui vẻ, nhất định sẽ nghiêm túc dạy bảo, dạy hết những gì chính mình đã học được.

“*Phục thừa bạch mã, bảo quan, anh lạc, khiến chi linh hoàn*” (Lại cưỡi ngựa trắng, sai đem mỗ báu, chuỗi ngọc, trở về). Ngài là vương tử, mặc quần áo, cưỡi ngựa trắng, đội mỗ báu, đeo chuỗi ngọc, vào núi học đạo, giao cho tùy tùng đem những thứ ấy trở về giao cho phụ vương, tỏ ý Ngài thật sự tu khổ hạnh, thật sự có thể bỏ được. “*Xả trần diệu y*” (bỏ y phục quý báu, đẹp đẽ), Ngài vốn mặc y phục quý báu, đẹp đẽ. “*Nhi trước pháp phục*” (để mặc pháp phục), quần áo của những người xuất gia hay tu hành chẳng thể sánh bằng quần áo của vương tử. “*Thế trừ tu phát*” (cao bỏ râu tóc), gọt sạch đầu tóc, “*đoan tọa thụ hạ, cần khổ lục niên, hành như sở ưng*” (ngồi ngay ngắn dưới cội cây, siêng khổ sáu năm, hành theo đúng lẽ), giống hệt như những vị trưởng giả hoặc các bậc thầy khổ hạnh ấy. Tu khổ hạnh cũng là đêm ngủ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa. Do vậy, “giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây” chẳng phải là quy chế do Thích Ca Mâu Ni Phật sáng lập. Chẳng phải vậy, đó là cuộc sống bình phàm của những người tu hành Bà La Môn và các tôn giáo tại Cổ Ấn Độ; kể cả người học Phệ Đà (Vedas) cũng vậy. Nay chúng ta gọi họ là triết gia, cuộc sống rất đơn giản. Chúng ta thấy họ rất thanh bản, nhưng họ sống rất tự tại, rất vui sướng, chẳng phải lo nghĩ, chẳng có phiền não, không có áp lực, cuộc sống hằng ngày “*tùy ngộ nhi an*”³. Họ đều đặc biệt coi trọng hạnh môn, người bình thường chẳng làm được, nhưng họ hoàn toàn làm được. Chúng ta thường nói là “buông xuống trần duyên”, Trần là trần lao, phiền não, Duyên chỉ hoàn cảnh nhân sự, thấy đều buông xuống. Vật chất và nhân sự hoàn toàn buông xuống, tâm đã định, Định - Huệ hiện tiền, dần dần có thể khế nhập.

Trong kinh Phổ Diệu có nói: “*Nhĩ thời Thái Tử nhật phục nhất ma, nhất mạch, lục niên chi trung kết già phu tọa*” (Lúc bảy giờ, Thái Tử mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, ngồi xếp bằng trong sáu năm). “*Thái Tử*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, trong lúc cuộc sống gian nan nhất; hiện thời, các nhà khoa học cho chúng ta biết, trong tương lai, ước chừng trong tương lai chẳng lâu nữa, có thể có nguy cơ thiếu lương thực. Hiện thời, dấu hiệu báo động đã xuất hiện: Một hai năm gần đây nhất, địa cầu nóng lên, khí hậu đổi khác, thiên tai hết sức dồn dập, sản phẩm nông nghiệp bị suy hụt với một số lượng lớn, thâm hoạch lương thực sút giảm thì loài người chúng ta ăn gì? Vì thế, có nguy cơ thiếu lương thực. Khi ấy, cũng có thể là đức Thế Tôn gặp phải lúc đói kém, nơi ấy cũng bị hạn hán, hoặc bị lũ lụt, hoa lợi giảm bớt, thức ăn ít ỏi. Làm như thế nào? Phương pháp ứng phó của lão nhân gia là mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch. “*Ma*” (麻) là “*chi ma*” (芝麻: mè). Chúng ta chớ nên chấp chết cứng văn tự, hiểu [đúng là] Thích Ca Mâu Ni

3 Đây là một thành ngữ bao hàm ý nghĩa tùy thuận trong mọi hoàn cảnh, không mong cầu quá phận. Thành ngữ này vốn phát xuất từ một câu nói của Lư Hiền Định trong bộ Quảng Dương Tập Ký: “*Tùy thuận nhi an, tư chân ôn hỷ*” (Yên vui trong mọi hoàn cảnh sẽ thật sự ôn hòa).

Phật mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc ăn một hạt lúa mạch. Chúng ta nghĩ như vậy kể ra cũng xuôi tai, nhưng chẳng hợp tình hợp lý. Phải nên [hiểu] như thế nào? Đức Thế Tôn ăn uống đơn giản dường ấy, một chút mè, hoặc một chút lúa mạch, [hiểu như vậy] sẽ hợp tình, hợp lý. Chứ nói [chỉ có] một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch sẽ chẳng hợp lý, chẳng hợp lẽ thường! Cuộc sống đơn giản, kham khổ dường ấy, ngay cả gạo cũng chẳng có, các thứ ngũ cốc, các thứ lương thực đều chẳng có!

Trong tương lai, chúng ta cũng gặp nguy cơ thiếu lương thực, làm cách nào? Nhất định chuẩn bị tâm lý sẵn. Nếu trong khi gặp nguy cơ thiếu lương thực, mà chúng ta mỗi ngày ăn một bữa thì cũng tốt lắm. Chúng ta ăn ít một chút để cho người khác có thể ăn nhiều hơn đôi chút. Lương thực thâm hoạch dồi dào thì có thể ăn ba bữa. Lương thực thâm hoạch thiếu kém mà người vẫn đông đảo như thế, mọi người đều phải ăn sẽ chẳng đủ để phân phối, làm như thế nào? Có thể nói là chúng ta mỗi ngày ăn hai bữa, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, sẽ có thể vượt qua tai nạn ấy. Hiện thời, mỗi ngày tôi ăn một bữa, sau khi ăn cơm trưa, thứ gì cũng không ăn, chỉ uống một chút nước. Người ta hỏi tôi vì sao? Có phải là trì giới hay không? Chẳng phải! Tôi ứng phó nguy cơ thiếu lương thực. Các nhà khoa học báo cáo như vậy, ta phải chuẩn bị, phải dưỡng thành thói quen ấy. Khi nguy cơ về lương thực thật sự hiện tiền, chúng ta mỗi ngày ăn một bữa là đủ rồi. Tôi đang làm công việc chuẩn bị, ngộ hậu nguy cơ thiếu lương thực chẳng nảy sinh nỗi nguy hại nào đối với tôi, tôi có thể sống bình thường. Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được, vì sao chúng ta chẳng thể làm?

“*Lục niên chi trung kết già phu tọa. Tu tập gian nan cần khổ chi hạnh*” (Trong sáu năm, ngồi xếp bằng, tu tập hạnh khó khăn, siêng khổ). Đức Thế Tôn ba mươi tuổi khai ngộ, mười chín tuổi lìa khỏi gia đình, [tu tập suốt] mười hai năm. Ở đây nói, trong mười hai năm ấy, Ngài có sáu năm khổ hạnh, đây là về sau, trong khi giảng kinh, giáo học, lão nhân gia đã cho chúng ta biết, tín, giải, hành, chứng! Đương nhiên chính Ngài trọn đủ tín tâm, đi ra ngoài tham học, tiếp nhận giáo huấn của bậc cao nhân, Ngài đã lý giải. Sau khi hiểu rõ, đã làm được. Mà Ấn Độ thuở ấy, bất luận là tôn giáo hay học thuật đều vô cùng coi trọng Thiên Định. Do vậy, “*kết già phu tọa*” là tu Định, sáu năm thật sự tu tập. Đầu tiên là học tập Tứ Thiên Bát Định. Chúng đấng Tứ Thiên Bát Định, hoàn toàn hiểu rõ trạng huống trong lục đạo, do Tứ Thiên Bát Định có thể đột phá các chiều không gian của lục đạo. Người có công phu này, hướng lên trên có thể thấy hai mươi tám tầng trời, rõ ràng, rành rẽ, hướng xuống dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ, hiểu rõ toàn bộ lục đạo. Lục đạo được nói trong Phật pháp chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật phát hiện, mà cũng chẳng phải do Ngài nói ra [đầu tiên], mà do Cổ Bà La Môn đã nói. Bà La Môn Giáo là Hưng Đô Giáo (Hinduism) hiện thời, tôi có qua lại với họ. Các trưởng lão của họ bảo tôi, vì họ chẳng coi trọng lịch sử, chẳng có văn tự ghi chép minh xác, theo truyền tụng, đời đời lưu truyền, họ có lịch sử hơn một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng. Hiện thời, những nhà nghiên cứu tôn giáo trên thế giới thừa nhận họ tối thiểu có tám ngàn năm trăm năm lịch sử. Giới học thuật thường nói Ấn Độ Giáo [xuất hiện] sớm hơn Phật Giáo năm ngàn năm, chúng ta có thể tin tưởng cách nói ấy. Vì thế, đối với lục đạo luân hồi, họ liễu giải vô cùng thấu triệt. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, trước hết là theo học với họ, đó là tôn giáo cổ nhất tại Ấn Độ, và cũng là tôn giáo có quyền uy nhất. Thật sự làm!

Vì sao phải làm theo cách như vậy? Tiếp đó, [kinh văn giảng]: “*Tác tu thị hiện, thuận thế gian cố*” (thị hiện làm như vậy vì thuận theo thế gian). Đức Phật đến thế gian

này muốn độ chúng sanh trong thế gian, mà quý vị chẳng học những gì người thế gian ngưỡng mộ nhất, bội phục nhất, người ta sẽ xem thường quý vị, chẳng tin tưởng! Quý vị thấy: Quý vị bội phục Bà La Môn nhất, nhưng Ngài đã học hết cả rồi. Những đại triết gia trong các học phái được quý vị kính ngưỡng, Ngài đều đã thân cận, đã từng theo học với họ, đại chúng bình phàm mới có thể sanh khởi tín tâm đối với Thích Ca Mâu Ni Phật. Người Hoa nói “*đanh sư xuất cao đồ*”, người ta thấy thầy của quý vị cao minh sẽ có lòng tin đối với quý vị. Quý vị theo học thầy nào, chẳng ai biết, người ta sẽ chẳng tin tưởng quý vị. Đó gọi là “*thuận thế gian cố*” (vì thuận theo thế gian). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật thân giáo, làm những chuyện thị hiện như thế hồng khế hợp căn cơ của đại chúng thuở ấy. Vì khế cơ nên nhất định phải làm theo cách như vậy. Hai câu trên đây “*xuất tự Đường dịch*” (xuất phát từ bản Đường dịch), tức là kinh văn trong hội Vô Lượng Thọ của kinh Đại Bảo Tích. Hai câu kinh văn ấy rất trọng yếu, “*thâm hiển Pháp Hoa huyền chỉ*” (hiển lộ sâu xa huyền chỉ của kinh Pháp Hoa). Nói như thế nào? Trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa có một đoạn văn như sau: “*Nhất thiết thế gian thiên, nhân, cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa u đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (hết thầy trời, người và A Tu La trong thế gian đều nói nay Thích Ca Mâu Ni Phật lìa cung họ Thích, đến nơi cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), có một đoạn ghi chép như thế. Thích Ca Mâu Ni lìa cung họ Thích. Khi ấy, đó là một quốc gia, Ngài bỏ ngôi vua, phú quý, địa vị, buông bỏ phú quý, đến một nơi cách thành Già Da chẳng xa. Thành Già Da (Gayā) là nơi tu đạo phổ biến, có chuẩn mực văn hóa rất cao, là nơi có tôn giáo và học thuật vô cùng phát triển. Ở một chỗ cách thành ấy chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng, thành Phật, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây cũng là thị hiện rất tốt đẹp.

Bà La Môn Giáo quả thật cũng rất giỏi, họ hiểu rõ ràng, minh bạch lục đạo, những người ấy trong tương lai đều đến nơi đâu? Quá nửa đều sanh lên Sắc Giới Thiên. Cao minh hơn nữa thì họ đến Vô Sắc Giới Thiên. Họ làm tướng tằng cao nhất của Vô Sắc Giới, tức Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, là cảnh giới Niết Bàn, ngũ sanh lên đó là chứng đắc Bát Niết Bàn. Do vậy, đức Thế Tôn phải xuất hiện tại nơi ấy. Họ tu hành đạt tới mức cao như thế, bất luận quốc gia hay khu vực nào trên cả thế giới đều chẳng đạt được. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói đến trời chẳng hề giảng tỉ mỉ như thế. Nói thật ra, quá nửa là nói về Dục Giới Thiên, [nói đến] Sắc Giới Thiên rất ít. Trang Tử có ý nghĩ này, Nho Gia chẳng nói đến Sắc Giới Thiên, Đạo Gia có đến Sắc Giới Thiên. Do [ngoại đạo Ấn Độ] nảy sanh các thứ hiểu lầm, nên để dạy họ, Thích Ca Mâu Ni Phật phải học hết những thứ của họ. Nếu quý vị chẳng học, họ sẽ chẳng phục. Sau khi đã học hiểu, chúng ta có thể suy nghĩ, vấn đề vẫn chưa giải quyết. Hiểu rõ ràng, minh bạch [trạng huống] lục đạo, nhưng vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có thế giới hay không? Ba vấn đề ấy Bà La Môn Giáo chẳng thể giải đáp, mà Số Luận lẫn Phệ Đà⁴ cũng đều chẳng thể giải đáp.

4 Chữ Phệ Đà ở đây đúng ra nên nói là Phệ Đản Đa (Vedānta), tức là một trường phái triết học Ấn Độ dựa trên tư tưởng kinh Vedas. Tuy cũng thuộc về Bà La Môn giáo, nhưng họ không quan tâm tới nghi lễ, cúng bái như các tu sĩ Bà La Môn thông thường, mà chỉ quan tâm nghiên cứu đến triết học. Chữ Vedanta được coi như kết hợp giữa Veda và Anta, và được dịch là “kiến thức tối hậu, kiến thức tối cao”. Trường phái này tập trung nghiên cứu Áo Nghĩa Thư (Upanishad), tức phần triết lý thâm mật nhất trong Tứ Phệ Đà. Về sau, ngoài Tứ Phệ Đà và Áo Nghĩa Thư, cuốn Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita) cũng là một thánh điển trọng yếu phải nghiên cứu trong phái Vedanta.

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã học mười hai năm, chẳng còn chỗ nào để học nữa, bèn ngồi dưới cội cây Bối Đa La bên bờ sông Hằng, sở học trong mười hai năm cũng buông xuống, nhập Thiền Định càng sâu hơn, khai ngộ như vậy. Vì thế, nói “*dạ đở Minh tinh*” (đêm nhìn sao Mai), đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, những vấn đề ấy đã được giải quyết.

Lục đạo là chuyện như thế nào? Vì sao có lục đạo? Lục đạo do đâu mà có? Ngoài lục đạo còn có gì hay không? Thấy đều được giải quyết! Đã minh tâm kiến tánh, đó là “*đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Trong phần trước, tôi đã nói câu này chính là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp. Học Phật là học gì vậy? Là học một câu này. Câu này dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Phật Đà, người ấy đã thành Phật rồi. Nếu đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là Bồ Tát. Nếu người ấy chỉ đắc Chánh Giác, chúng ta gọi người ấy là A La Hán. Vì thế, trong một câu này trọn đủ ba ý nghĩa ấy. Phần sau của câu này là Tam Bồ Đề (Sambodhi), tức là Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi) là Chánh Đẳng Chánh Giác của Bồ Tát. Lại còn thêm A Nậu Đa La (Anuttara) là do Phật chứng đắc. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thật sự học Phật. Ba giai đoạn ấy, người thượng thượng căn có thể đồng thời đạt được. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện đồng thời chứng đắc, đúng là trong một sát-na, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, đốn xả, đốn siêu, đốn chứng. Chẳng phải là bậc thượng thượng căn, vậy thì quý vị phải tiến từng giai đoạn một, chia thành ba giai đoạn. Trước hết, buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian nữa, quý vị bèn thành Tam Bồ Đề. Tam Bồ Đề là Chánh Giác, quý vị chứng quả A La Hán. Sau khi chứng đắc A La Hán, lại hồi Tiểu hướng Đại, tiếp tục nỗ lực tu hành, buông phân biệt xuống. Sau khi buông phân biệt xuống, quý vị chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Bồ Tát. Lại tiến cao hơn, buông khởi tâm động niệm xuống, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, đã vượt thoát mười pháp giới, A La Hán vượt thoát lục đạo, Phật vượt thoát mười pháp giới, đó là thật sự học Phật.

Vì vậy, học Phật chẳng phải là cầu phước báo nhân thiên. Cầu phước báo nhân thiên sai lầm quá đỗi, cầu phước báo nhân thiên là phạm phu, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chư vị nhất định phải biết: Chẳng thoát khỏi luân hồi, chắc chắn ở trong thế gian này khổ nhiều, vui ít. Vì sao? Thời gian lục đạo chúng sanh ở trong ba ác đạo lâu dài, thời gian trụ trong ba thiện đạo rất ngắn ngủi, tạm bợ, đặc biệt là nhân đạo, mấy ai có thể thọ hơn trăm tuổi? Một trăm năm đúng là khảy ngón tay liền qua, quá ngắn ngủi! Người tuổi trẻ chẳng giác ngộ, chứ kể trung niên, sau năm mươi tuổi, sẽ dần dần giác ngộ. Đòi người khổ sở, ngắn ngủi, thật sự đến đây để làm gì? Gặp Phật pháp mới biết nhân gian rất đáng quý, đáng quý ở chỗ nào? Dễ tu hành! Nhất định phải giác ngộ, nhất định phải buông xuống, phải nghiêm túc, phải nỗ lực tu học Tịnh Tông, đời sau đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật, như vậy là hoàn toàn chánh xác, đời này quý vị chẳng uổng công đến đây! Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn quý vị có thể đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chứ trong thế gian này chúng ta không đạt được, rất khó, đến thế giới Cực Lạc sẽ dễ dàng.

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp: “*Nhiên thiện nam tử*” (nhưng này thiện nam tử). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta, gọi chúng ta là “*thiện nam tử*”. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chữ Thiện ấy là mười thiện nghiệp, chúng ta có thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo thì kinh gọi [chúng ta] là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp gọi đại chúng, chúng ta thuộc trong đó. Nếu chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo thì Phật gọi “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chúng ta thấy mình chẳng có phần trong số những người đó, chẳng bao gồm trong đó. Chớ nên không biết sự thật này, hy vọng “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” được nói trong kinh điển thật sự có phần của ta, đó là bước đầu học Phật. Chúng ta làm như thế nào thì mới đúng với tiêu chuẩn được nói trong kinh Phật? Chúng ta chỉ cần làm được ba căn bản của Nho, Thích, Đạo là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, quý vị sẽ đúng là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” danh phù hợp thật, điều này rất trọng yếu. Ở đây, đức Phật nói: “*Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp*” (thật ra từ khi ta thành Phật đến nay đã là vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật nói thật với chúng ta, Ngài chẳng thành Phật trên quả địa cầu này, mà đã thành Phật từ lâu rồi. Lúc nào? Lúc nào thì chúng ta chẳng thể nói rõ, vì đã từ vô lượng vô biên trăm ngàn vạn lần ức na-do-tha kiếp, dùng đơn vị thời gian để tính toán là kiếp, Ngài đã thành Phật từ lâu. Do vậy, chuyện Ngài đến thế gian này được gọi là “*thị hiện*”. Thị là gì? Đến để làm mẫu, hiện cho mọi người xem. Ta nêu gương, làm mẫu cho quý vị nhìn vào, mọi người học theo kiểu mẫu ấy sẽ có thể thành Phật.

Tám tướng thành đạo là thị hiện cho chúng ta thấy. Kinh Phạm Võng nói rất rõ ràng, lần này đức Phật đến thế gian thị hiện tám tướng thành đạo là lần thứ tám ngàn, Ngài đã thành Phật từ rất lâu. Đức Phật đến biểu diễn tại địa cầu, lần này là lần thứ tám ngàn. Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu đức Thế Tôn từ bi, đại từ đại bi, không bỏ những chúng sanh khổ nạn trong thế gian, thường đến biểu diễn. Mỗi lần biểu diễn đều dẫn một nhóm người ra đi, có những người đã giác ngộ, thật sự thành tựu. Chúng ta rất may mắn, tuy chẳng đích thân thấy lão nhân gia thị hiện, nhưng những chuyện ấy được lưu lại trong kinh điển, chúng ta thấy được điều này từ kinh bản. Kinh bản này sẽ còn lưu truyền trong thế gian chín ngàn năm nữa. Chúng sanh trong giai đoạn chín ngàn năm ấy có duyên gặp gỡ sẽ đều có thể thành tựu. Chúng ta đọc kinh văn: “*Tự từng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp giáo hóa*” (từ đây trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa). Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng rời khỏi chúng ta, kinh điển ở chỗ nào là đức Phật ở nơi đó. Trừ thế giới này ra, “*diệc ư dư xứ*” (cũng ở chỗ khác), ở trên tinh cầu khác, ở thế giới phương khác, “*bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc*” (trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi), cõi ở đây là “*thế giới*”, tức là thế giới của chư Phật ở ngoài thế giới Sa Bà ra, cũng là vô lượng vô biên, Thích Ca Mâu Ni Phật thường đến đó “*đạo lợi chúng sanh*” (hướng dẫn, lợi ích chúng sanh), dẫn dắt, lợi ích hết thảy đại chúng.

“*Như Lai kiến chư chúng sanh, nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giá*” (Như Lai thấy các chúng sanh là những kẻ ưa thích pháp nhỏ, đức mỏng, cấu chướng nặng nề), như trong thời đại hiện tiền này, thậm chí trong thời đại ba ngàn năm trước, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, người địa cầu chúng ta quả thật ưa chuộng tiểu pháp, Trung Quốc là một khu vực tiêu chuẩn [về sự ưa thích tiểu pháp]. Ưa chuộng gì vậy? Chuộng nhân thiên, đời này được làm thân người, hoan hỷ hưởng thụ sự phú quý trong nhân gian,

đòi sau thì sao? Đòi sau hy vọng hưởng thụ sự phú quý trên cõi trời, mong mỗi đời sau sanh lên trời. Theo cái nhìn của đức Phật, hiện tượng ấy là “đức bạc, cấu trọng”, “cấu” (垢) là phiền não. Tập khí phiền não rất nặng, đức hạnh rất mỏng, chỉ mong tướng nhân thiên, chẳng mong vượt thoát lục đạo luân hồi. Phải biết: Trong khi hưởng phước nhân thiên, quý vị có tạo tội nghiệt (mầm mống tội lỗi) hay không? Chắc chắn, há có ai chẳng tạo tội nghiệt? Chẳng cần nói chi khác, mỗi ngày quý vị ăn bao nhiêu chúng sanh, nhất là ăn thịt, những chúng sanh ấy có cam tâm tình nguyện dâng hiến thân mạng cho quý vị hay không? Quý vị xem thử đi, quý vị gọi một con lợn, bảo nó: “Lợn ơi! Ngươi hãy đến đây, ta sắp giết ngươi, ngươi hãy dâng thịt của ngươi cho chúng ta ăn”. Quý vị hãy nhìn dáng vẻ của nó, [nó trông thấy] bộ điệu quý vị cầm dao, [nó bèn] kinh hoảng thất thố, chạy lung tung khắp nơi, muốn trốn khỏi cái chết, đó là gì? Chẳng cam tâm, không tình nguyện! Quý vị giết nó là vì nó yếu, quý vị mạnh, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, bất quá nó chẳng thể chống lại quý vị, trong lòng nó oán hận, đời sau nó đầu thai làm thân người, còn quý vị thì sao? Đòi sau, do tạo tội nghiệt, quý vị vào trong súc sanh đạo, biến thành lợn, nó lại đến giết quý vị, chẳng phải là chuyện như thế hay sao? Oan oan tương báo chẳng sót, đời đời kiếp kiếp! Vì thế, chỉ từ ăn uống mà nói, từ chuyện ăn mặc để nói, đã giết rất nhiều chúng sanh. Những thứ áo lông mặc trong mùa Đông là do lột da súc sanh, chúng có tình nguyện hay không? Chẳng tình nguyện, thâm cừ đại hận! Khi chúng ta mặc bèn rất đặc ý, lúc chúng đến lấy mạng sẽ khổ lắm!

Trong thời đại hiện tiền, tôi gặp rất nhiều kẻ thông linh⁵, chẳng phải là giả, vì chúng ta có thể tìm đôi ba người thông linh, coi họ nói có giống nhau hay không. Họ chẳng quen biết nhau, [một người] nói phía sau một kẻ nào đó có rất nhiều oán thân trái chủ theo sau, chúng ta hỏi một kẻ thông linh khác: Ông có thấy hay không? Người ấy nói thấy. Nói cho chúng ta nghe giống hệt như người kia. Lại tìm một người khác, vẫn nói giống hệt. Điều này chẳng phải là giả, ba người chẳng ở cùng một chỗ, chẳng hề thương lượng, khi chúng ta đột nhiên hỏi họ, họ nói tương tự, chứng tỏ chẳng phải là giả. Chẳng phải là chúng ta nghe một người nói, mà chúng ta tìm một chứng cứ khác, xem có phải là giống nhau hay không. Do vậy, kẻ sát sanh nhiều, phía sau người ấy có cả đồng linh quỷ bám theo thân. Trong khi khí vận của quý vị rất cao, lúc khí rất vượng, những linh quỷ ấy ở cách quý vị rất xa, chẳng dám tới gần, ở cách xa, thậm chí người thông linh chẳng nhìn thấy, thấy trên thân quý vị chẳng có, nhưng nhìn ra xa thì có, nhưng chẳng biết đó là oán thân trái chủ của quý vị. Đến lúc vận mạng quý vị dần dần suy rồi, vận tốt đã hết, chúng sẽ từ từ tiến gần, đó là oán gia trái chủ, chẳng tha lỗi cho quý vị. Kinh điển Đạo Gia thường nói, “sát nhân đền mạng, thiếu nợ trả tiền”, đều là thật, chẳng giả tí nào. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, trong kinh Phật, đạo lý này được giảng thấu triệt, hãy liễu giải chân tướng sự thật. Đạo Gia có nói rất nhiều chân tướng sự thật, sau khi chúng ta hiểu rõ, chẳng còn dám khởi tâm động niệm làm chuyện xấu nữa, hiểu gì? Về sau sẽ có báo ứng. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, chẳng phải là không có báo, mà là thời thần chưa đến. Khi đến lúc, báo ứng sẽ hiện tiền, không ai có thể trốn thoát được! Những điều này đều là chân tướng sự thật.

5 Thông linh là khả năng có thể giao tiếp với linh giới, vong linh, quỷ thần.

Đây là nói tới chúng sanh, Phật hàng thuận chúng sanh, quý vị tạo ác, Phật cũng thuận theo quý vị, vì sao? Chẳng ngăn được! Phật khuyên mà quý vị chẳng nghe thì làm thế nào? Để mặc quý vị! Nhưng Phật rất từ bi, Phật ở bên cạnh nhìn, thấy quý vị tạo nghiệp, hứng chịu quả báo, rồi sẽ có một ngày quý vị tỉnh ngộ. Khi tỉnh ngộ, Phật đến độ quý vị. Quý vị chưa tỉnh ngộ, Phật đứng bên cạnh nhìn quý vị làm ác, nhìn quý vị biến thành súc sanh, đọa làm nga quỷ, đọa địa ngục, chịu hết mọi nỗi khổ, sau đấy hồi lỗi, “ta sai rồi”, kẻ ấy nhận lỗi. Khi nhận lỗi bèn được cứu, vì sao? Kẻ ấy nghe lời, có thể nghe lời khuyên, có thể nghe lời dạy, Phật có thể dạy kẻ ấy. Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Bất luận quý vị tạo tội nghiệp nhiều hay lớn cỡ nào, Phật vẫn ở bên cạnh nhìn quý vị, quý vị chịu quay đầu, chịu tiếp nhận, Phật sẽ dạy quý vị, chẳng có ai không thể giải thoát. Tai nạn gì cũng đều có phương cách hóa giải. Hiện thời, địa cầu lắm tai nạn như thế, có phương pháp gì hóa giải hay không? Có, nhưng con người không tin thì chẳng có cách nào! Thật sự tin tưởng, phương pháp hóa giải chẳng khó, hết sức hữu hiệu. Trong Phật pháp, dùng những lý luận và phương pháp này, các nhà khoa học hiện thời đã chứng thực, đặc biệt là các nhà khoa học Lượng Tử đã nghiên cứu phát hiện giống hệt như trong kinh Phật đã giảng. Chúng tôi tin tưởng đôi ba năm nữa, Lượng Tử sẽ nói rõ ràng hơn, minh bạch hơn. Cho đến khi ấy, tôi tin tưởng các nhà khoa học cũng bằng lòng nghiên cứu kinh Phật. Phật pháp sẽ được các nhà khoa học thúc đẩy, đề xướng, nó chẳng phải là mê tín, trong kinh Phật có khoa học cao cấp, cũng tức là trong kinh Phật có Lượng Tử Lục Học, có vũ trụ vĩ mô.

“Vị thị nhân thuyết, ngã thiếu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” (vì người ấy nói, ta xuất gia chưa lâu bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Các thứ thị hiện đều là vì *“nhạo u tiểu pháp, đức bạc cầu trọng giả”* (kẻ ưa thích tiểu pháp, đức bạc, phiền não nặng nề), vì bọn họ mà thị hiện. Người Đại Thừa biết, trong kinh Đại Thừa đức Phật có nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì? Là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, phá mê, khai ngộ, vọng tận, hoàn nguyên. *“Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, cứu viễn nhược tư, dẫn dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh, linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết”* (nhưng ta thật sự từ khi thành Phật đến nay đã lâu xa như thế, chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế). Đối với một đoạn này trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa và những điều đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể hợp hai kinh lại để xem, *“lưỡng kinh hợp tham, tín tri Bốn Sư”* (hợp hai kinh lại để tham chiếu, tin biết Bốn Sư), chúng ta tin tưởng, hiểu rõ Thích Ca Mâu Ni Phật *“tác bát tướng thành đạo chi chủng chủng thị hiện, chỉ vị tùy thuận thế gian chúng sanh chi căn cơ, hành quyền phương tiện, phổ giai độ thoát nhi dĩ, thật tặc Thích Tôn cứu dĩ thành Phật”* (hiện tám tướng thành đạo, các thứ thị hiện, chỉ vì tùy thuận căn cơ của chúng sanh trong thế gian, hành phương tiện quyền biến nhằm độ thoát trọn khắp đó thôi, chứ thật ra đức Thích Ca thành Phật đã lâu). Đó là *“tác tư thị hiện, thuận thế gian cố”* (thị hiện như vậy vì thuận theo thế gian). Câu này đã nói rõ ràng, rành rẽ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện như vậy, những người cùng theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến cõi này, kinh thường nói: *“Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ”*. “Ngàn” không phải là một con số, không phải là một con số cố định, mà là để hình dung rất nhiều vị Phật, Bồ Tát đều đến tùy hỷ, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật ở nơi này nhằm giáo hóa chúng sanh, mọi người đều đến phụ giúp. Phụ giúp như thế nào? Cũng đều dẫn thân vào thế gian này. Trong phần trước chúng ta đã thấy, cũng có vị sanh trong cung vua, cũng có vị xuất sanh trong nhà đại

thần, hay nhà đại phú trưởng giả, hoặc sanh trong nhà bần cùng, gặp gỡ Phật, làm đệ tử Phật, nghe Phật thuyết pháp sanh tâm hoan hỷ, thấy đều đến thị hiện hồng giúp đỡ Phật.

Chúng ta lại suy nghĩ, Phật giáo hóa chúng sanh như vậy, còn các tôn giáo khác cho đến các học phái khác thì sao? Chúng ta hiểu đây đều là bản lãnh của Phật Bồ Tát, đều là thị hiện. Người trong khu vực này chủng tộc khác biệt, văn hóa khác nhau, từ xưa đến nay con người hễ gặp tai nạn bèn cầu khẩn ông trời, hoặc luôn cầu khẩn thần tiên, nên trong hoàn cảnh ấy [Phật, Bồ Tát] bèn thị hiện như thế, nên dùng thân gì đặc độ, bèn hiện thân ấy. Nếu quý vị cầu thần tiên, Ngài bèn hiện thân thần tiên đến độ quý vị. Quý vị tin Cơ Đốc (Jesus Christ), Ngài hiện thân Cơ Đốc độ quý vị. Do vậy ta biết: Bất luận người thuộc tôn giáo nào, bất luận theo tôn giáo nào, thờ phụng vị thần nào, trong vũ trụ chân thân là duy nhất, chân thân là một, nhưng tại các nơi, danh xưng khác nhau. Trong Thiên Chúa Giáo (Công Giáo) và Cơ Đốc Giáo (Tin Lành) gọi là Thượng Đế, trong Y Tư Lan Giáo (đạo Hồi, Islam) gọi là Chân Chúa (Allāh), dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, tuy danh xưng khác nhau, chúng ta biết tất cả đều là chư Phật Như Lai hiện các hóa thân khác biệt. Chỉ cần chúng sanh có khổ nạn, quý vị hy vọng loại người nào đến giúp đỡ, Ngài bèn hiện thân ấy. Thật sự hiểu rõ, giác ngộ thì vốn là một chuyện. Nói theo Phật pháp, đều là do chư Phật Như Lai biến hóa. Nói theo Y Tư Lan giáo thì chư Phật, Bồ Tát toàn là do Chân Chúa biến hóa. Nói theo Cơ Đốc Giáo, toàn là do Gia Tô (Jesus) biến hóa, nói như vậy có sưng tai hay không? Suông! Chẳng sai tí nào! Đó là *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”* như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ). Trong tâm quý vị ngưỡng mộ nhất là gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Quý vị ngưỡng mộ thần, Ngài hiện thân thần. Quý vị ngưỡng mộ tiên, Ngài bèn hiện thân tiên, thị hiện làm tiên nhân. Nói tới cuối cùng, xét đến cội nguồn, rốt cuộc là chuyện ra sao? Nói tới cuối cùng là tự tánh, là chính mình, chẳng phải là ai khác!

Quý vị thấy trong những năm qua, chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, Tam Thời Hệ Niệm thuộc loại kỳ đảo do thiền sư Trung Phong soạn. Thiền sư Trung Phong là người đời Nguyên, trụ tại Đông Thiên Mục Sơn, hiện thời là đạo tràng của cư sĩ Tề Tô Bình, bà ta ở nơi đó. Thiền sư bảo chúng ta: *“Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta”*. Trong Gia Tô giáo có thể nói như vậy hay không? Tâm ta chính là Gia Tô, Gia Tô chính là tâm ta. Tâm ta tức là Thượng Đế, Thượng Đế tức là tâm ta, đúng vậy. Người Trung Quốc nói tới thánh nhân, tâm ta tức là thánh nhân, thánh nhân tức là tâm ta. Thiền sư Trung Phong nói: *“Tịnh Độ tức là phương này, phương này chính là Tịnh Độ”*. Vật thì chúng ta cũng có thể nói: *“Thiên đường chính là phương này, phương này chính là thiên đường”*, cùng một đạo lý! Ai thừa nhận lời ấy? Các nhà Lượng Tử Lực Học thừa nhận. Vì sao? Qua nghiên cứu, họ phát hiện, khắp pháp giới hư không giới là một tự thể. Những điều được nói trong kinh Phật đã được họ chứng thực, hết thấy vạn pháp trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, trong mười bốn ngày dưới cội Bồ Đề, giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho Pháp Thân Bồ Tát, giảng gì? Giảng cảnh giới do Ngài đích thân chứng, vạn pháp trong vũ trụ và chính mình là một Thể.

Kinh Hoa Nghiêm phân lượng rất lớn, Hiền Thủ quốc sư là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm đã viết một bài luận văn có tựa đề là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận

Hoàn Nguyên Quán, đại sư viết bài văn ấy chẳng dài, nhưng đã cô đọng tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, đơn giản hóa thành sáu cương mục. Sáu điều ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đầu tiên, Ngài nói pháp giới nguyên khởi do đâu mà có? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chỉ có thứ này. Thứ này là thật, trong Phật pháp gọi nó là tự tánh, chân tâm, vạn sự vạn vật đều do nó biến hiện, nó là Thể, vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vạn sự vạn vật được biến hiện bởi nó, toàn là biến hóa, đổi khác trong từng sát-na, đều chẳng thật. Từ một Thể hiển lộ hai tác dụng, một là thân thể của chính mình, ta do đâu mà có? Nêu ra hoàn cảnh sống của ta là vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Cũng nói ra, lại còn cho biết: Vũ trụ và chính mình có ba loại đặc tánh, tức là ba thứ tánh chất:

- Thứ nhất là “*trộn khắp pháp giới*”. Chúng ta dấy lên một niệm thì cả pháp giới đều nhận được. Dấy lên một niệm giống như phát xạ, đài radio phát ra sóng điện, tất cả hết thấy hiện tượng vật chất và tinh thần trong khắp pháp giới hư không đều thu được.

- Thứ hai là “*xuất sanh vô tận*”, biến hóa vô cùng. Trước đây, chúng tôi dùng kính vạn hoa để làm tỷ dụ. Trên thực tế, [kính vạn hoa] vô cùng đơn giản, nhưng khi quý vị xoay chuyển nó, sẽ là thiên biến vạn hóa. Quý vị chuyển mỗi ngày, thời thời khắc khắc chẳng ngừng chuyển, chuyển suốt cả năm, vẫn chẳng tìm được hai dạng thức (patterns) giống nhau, tự tánh đúng là vi diệu như vậy.

- Đặc tánh thứ ba là “*chứa đựng Có và Không*”, nhà Phật thường nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Một hạt vi trần cũng là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Một ý niệm cũng là như thế, chẳng có ngoại lệ.

Cách nói như vậy đã được các nhà Lượng Tử Lực Học nhìn thấy, nhưng họ chẳng thể nói rõ ràng như trong kinh Phật. Đức Phật thấy bằng cách nào? Thấy trong Thiên Định, đó là cảnh giới Hiện Lượng. Khoa học cũng coi như là Hiện Lượng, nó suy đoán bằng lý luận, phát hiện có khả năng ấy; sau đây mới dùng những máy móc tinh vi để quan sát. Quan sát bằng máy móc tinh vi được coi như Hiện Lượng, đây là thật, chẳng giả. Do Phật, Bồ Tát thấy từ trong Thiên Định rất sâu, thấy hết sức rõ ràng, còn rõ ràng hơn dùng máy móc. Máy móc là gián tiếp, thông qua máy móc quý vị mới nhìn thấy, còn các Ngài nhìn trực tiếp, chẳng cần thông qua máy móc, thấy càng giống thật hơn. Quý vị thật sự liễu giải, hiểu rõ ràng, thấu triệt rồi, quý vị mới biết đối trị ra sao. Hễ vấn đề phát sanh, quý vị bèn có phương pháp để đối trị. Trong vũ trụ luôn có trật tự, đôi khi tinh cầu lệch khỏi quỹ đạo, sẽ có biện pháp giúp nó khôi phục, uốn nắn. Ai có năng lực? Mỗi cá nhân chúng ta đều có năng lực! Chỉ cần quý vị buông vọng niệm xuống, tập trung ý niệm vào một điểm, năng lượng của điểm ấy rất lớn, có thể giúp cho tinh cầu chệch quỹ đạo được sửa đúng trở lại, có sức mạnh lớn ngàn ấy. Cổ nhân có nói một câu: “*Phật pháp vô biên*”, câu nói ấy rất có ý vị, đúng là vô biên. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.